



**UBND QUẬN TÂN BÌNH
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**NHỮNG ĐIỀU MỚI CỦA LUẬT
PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA
ĐÌNH NĂM 2022**

(Trích Bộ Luật hình sự; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của chính phủ)



PHẦN 1: LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

1. Theo quy định tại Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Bạo lực gia đình* là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

- *Cấm tiếp xúc* là biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo

lực gia đình hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

- *Nơi tạm lánh* là địa điểm để bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực gia đình.

II. Hành vi bạo lực gia đình (Điều 3)

1. Hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

- Lãng mạ, chửi chửi hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

- Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

- Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

- Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

- Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

- Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

- Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

- Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

- Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

- Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

- Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

- Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

- Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

- Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

- Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

2. Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 được thực hiện giữa người đã ly hôn: người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

III. Báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình (Điều 19)

1. Địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

- Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

- Cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học;

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

- Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

- Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Việc báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình đến địa chỉ quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thực hiện theo các hình thức sau đây:

- Gọi điện, nhắn tin; Gửi đơn, thư;

- Trực tiếp báo tin.

3. Chính phủ quy định về tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

IV. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình (Điều 22)

1. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình bao gồm:

- Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;

- Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;

- Cấm tiếp xúc;

- Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;

- Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình;

- Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với hành vi bạo lực gia đình;

- Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình;

- Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư;

- Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng;

- Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ người bị hại theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

2. Việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ.

V. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng (Điều 33)

1. Công việc phục vụ cộng đồng là công việc có quy mô nhỏ trực tiếp phục vụ cho lợi ích của cộng đồng nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú, bao gồm:

- Tham gia trồng, chăm sóc cây xanh ở khu vực công cộng; sửa chữa, làm sạch đường làng, ngõ xóm, đường phố, ngõ phố, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng khác;

- Tham gia công việc khác nhằm cải thiện môi trường sống và cảnh quan của cộng đồng.

2. Danh mục công việc quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận trên cơ sở thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú quyết định và tổ chức cho người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

VI. Hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục (Điều 15)

Thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; phổ biến pháp luật trực tiếp;

2. Phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động;

3. Lòng ghép trong chương trình và hoạt động tại cơ sở giáo dục;

4. Tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông;

5. Lòng ghép trong hoạt động văn học, nghệ thuật, thể thao, sinh hoạt đoàn thể, cộng đồng dân cư; mô hình phòng, chống bạo lực gia đình;

6. Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

PHẦN II. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH (Theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy, chữa cháy; Cứu nạn cứu hộ; Phòng, chống bạo lực gia đình)

1. Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình (Điều 52)

1.1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

1.2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình;

- Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc nạn nhân trong thời gian nạn nhân điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

1.3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 52 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022;

- Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 52 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 .

2. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình (Điều 53)

2.1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Đồi xù tội tệ với thành viên gia đình như: bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân;

- Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người cao tuổi, yếu, khuyết tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ.

2.2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

3. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình (Điều 54)

3.1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.

3.2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu, tài liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

- Sử dụng các phương tiện thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình;

- Phổ biến, phát tán tờ rơi, bài viết, hình ảnh nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 54 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022;

- Buộc thu hồi tư liệu, tài liệu, tờ rơi, bài viết, hình ảnh đối với hành vi quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều 54 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

4. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý (Điều 55)

4.1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;

- Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;

- Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh.

4.2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.

4.3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Cường ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục:

- Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình.

4.1. Biện pháp khác phục hậu quả:

Bước xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1. 2 và 3 Điều 55 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

5. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau (Điều 56)

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền thăm nom con theo quyết định của tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

6. Vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng (Điều 57)

6.1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

b) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng

chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

6.2. Biện pháp khác phục hậu quả:

Bước thực hiện nghĩa vụ đóng góp, nuôi dưỡng theo quy định đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

7. Hành vi bạo lực về kinh tế (Điều 58)

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

7.1. Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình.

7.2. Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động.

7.3. Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.

8. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ (Điều 59)

8.1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

8.2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

PHẦN III. CHỤU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 185 BỘ LUẬT HÌNH SỰ

1. Người nào đối xử tội tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

- Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;

- Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

TỔNG ĐÀI TIẾP NHẬN PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH SỐ:

111

